

BIA NHÀ THƠ HỌ NGUYỄN LÀNG KIM LŨ – HUYỆN THANH TRÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Xuân Hoà*

Nguyễn Văn Siêu (1796 - 1872) tên tự là Tồn Ban, hiệu Phương Đình, người làng Kim Lũ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (cũ) nay thuộc thành phố Hà Nội. Ông đỗ Phó bảng năm Minh Mạng thứ 19 (1838), và tuy ông làm quan đến chức Án sát tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hưng Yên, có thời còn là sứ giả sang Trung Hoa, nhưng trước sau ông được biết đến như một nhà thơ, nhà văn hóa lớn của đất Thăng Long – Hà Nội. Trái tim ông hướng đến những điều cao đẹp của cuộc sống, hướng đến *chân – thiện – mỹ*, nên sau một thời gian làm quan, ông cáo quan lui về dạy học trò, giúp ích cho đời, mở trường ngay tại nhà mình, nay là nhà số 12 - 14 phố Nguyễn Văn Siêu. Học trò của Nguyễn Văn Siêu sau này có nhiều người thành đạt. Ông và Cao Bá Quát là hai người bạn học mà tên tuổi luôn sóng đôi bên nhau, là hai nhà văn lỗi lạc của nước ta nửa đầu thế kỷ XIX, nên thời bấy giờ mới có câu “Thần Siêu thánh Quát” và “Văn như Siêu Quát vô tiền Hán” (Văn như Siêu Quát thì đến văn đời tiền Hán cũng không là gì).

Nguyễn Văn Siêu là nhà thơ gắn bó mật thiết với người và cảnh của đất nước Việt Nam và của Thăng Long – Hà Nội. Tác phẩm của ông có nhiều, tác phẩm chính có thể kể đến là *Phương Đình thi loại*, *Phương Đình thi tập*, *Phương Đình văn loại*, *Phương Đình văn tập*, *Phương Đình địa chí*, *Phương Đình địa dư toàn biên*,...

Trong *Phương Đình thi tập* [dẫn theo 2, 495-505] Nguyễn Văn Siêu đắm say với cảnh trời, thả hồn với sông nước của đất Thăng Long – Hà Nội như trong các bài thơ *Du Tây Hồ* (Chơi Hồ Tây), *Nhị Hà đối nguyệt* (Ngắm cảnh trăng trên sông Nhị Hà), hay suy ngẫm với thời cuộc với ý thức của một nhà thơ - công dân khi ông công phần lên án hành động đáng hổ thẹn của ông vua đón hèn Lê Chiêu Thống với lời thơ dứt khoát “Dựa vào sức người khác thì khó lòng làm nên việc nước” trong bài thơ *Điếu thành Tây Loa Sơn cổ chiến trường xứ* (Viếng Loa Sơn, nơi chiến trường thời xưa phía Tây thành Hà Nội) – (*Loa Sơn*, tục gọi là Đống Đa, mồ chôn hàng vạn quân nhà Thanh và là nơi tướng giặc Sầm Nghi Đống thắt cổ chết).

Nguyễn Văn Siêu là nhà thơ có nhiều cảm xúc trước thời cuộc, ông tự coi mình là người con của nước Việt, sống cùng nhịp thở của Tổ quốc trước những sự kiện lịch sử hào hùng của dân tộc. Ông ca ngợi những người đã có công trong việc giữ nước, đuổi giặc ngoại xâm, và một lần trong tiết thu đến bến đò Chương Dương tiễn khách, ông đã viết những vần thơ cháy bỏng tỏ lòng ngưỡng mộ trước tài cầm quân của Trần Quang Khải đã

* Hội Ngôn ngữ học Hà Nội.

đánh bại quân nhà Nguyên: *Uy danh “curop giáo” còn nói mãi tới ngày nay/ Làn gió thu phây phây, tiễn khách trên bến xưa/ Giữa dòng ngánh lại, phanh vạt áo mà đón lấy cũng thấy khoái lòng* [2, 505].

Khi lui về nhà dạy học, Nguyễn Văn Siêu là người luôn gắn bó với cảnh vật và con người của đất Thăng Long. Ông thường có những phút thư giãn, tức cảnh sinh tình vịnh cảnh vật xung quanh mình và cũng là cái cớ để nói lên tâm trạng của mình khi ở ẩn nơi tĩnh mịch ít khách lui tới, chỉ có các loài chim qua lại trong vườn mà thôi: *Một mảnh đất bỏ không trên ven sông Tô Lịch/ Nửa làm vườn tược, nửa làm nhà/ Thờ thường có các giống chim qua lại/ Khắp chỗ giống cây với hoa* [2, 497].

Sinh thời ông sống ở thôn Cổ Lương bên bờ sông Tô, đất thôn Cổ Lương và phường Hà Khẩu, tổng Hữu Túc, huyện Thọ Xương, là phố Nguyễn Văn Siêu ngày nay, sau ông dời đến sống ở thôn Dũng Thọ, huyện Thọ Xương của Thăng Long xưa, nay là khu vực các phố Nguyễn Văn Siêu, Mã Mây. Ông đã có công đóng góp, tôn tạo các di tích văn hóa của Thủ đô như đền Ngọc Sơn bên Hồ Gươm, di tích đài Nghiên, Tháp Bút, đình Trấn Ba. Ông cũng là người có công lớn với dòng họ Nguyễn làng Kim Lũ (Kẻ Lũ), huyện Thanh Trì: *xây được nhà thờ họ Nguyễn* là di tích văn hóa được xếp hạng. Nhà thờ này vốn là hai nhà thờ gộp lại: Nhà thờ ở phố Nguyễn Văn Siêu, nơi cụ thân sinh ra ông và ông sinh sống và nhà thờ do chính Nguyễn Văn Siêu xây ở làng Kim Lũ. Tất cả những đồ thờ ở phố Nguyễn Siêu ông đều chuyển hết về nhà thờ dòng họ Nguyễn ở làng Kim Lũ. Hiện có nhiều tư liệu Hán Nôm, câu đối, bảng gỗ, bia đá, đặc biệt có bộ ván khắc *Phương Đình địa chí* để trong nhà thờ dòng họ này. Dưới đây nhóm khảo sát chúng tôi giới thiệu tám bia do Tiến sỹ Nguyễn Trọng Hợp soạn nói về lai lịch nhà thờ này.

Dịch nghĩa:

“Tháng 9 mùa thu năm Canh Ngọ, niên hiệu Tự Đức năm thứ 23 (1870), chút thứ ngành Tiểu tông là Trọng Hợp, tên tự là Bích Nhân, đậu đồng Tiến sỹ khoa Ất Sửu, sung chức Thị độc trong Nội các, sửa mình kính vái rằng:

Người gốc ở tổ tiên, ai ai chẳng thế. Theo lễ trọng đức đền công, chẳng gì hơn nhớ về Thủy Tổ. Sách *Lễ Ký* của Trần Tường Đạo đời Tống viết: “Nhà thờ Thủy Tổ theo lễ nghĩa dựng lên, điều đó trăm đời không thay đổi”. Đó cũng vì coi trọng nền móng Thủy Tổ đã gây dựng mà lễ nghĩa sinh ra vậy.

Họ Nguyễn ta xuất xứ ở đất Sơn Nam xưa, nay là thôn Trung, xã Kim Lũ¹, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội, đã sắp được mười đời.

Kính nhớ Thủy Tổ Nguyễn Phúc Tâm sinh cụ Phúc Nghiêm. Cụ Phúc Nghiêm sinh hai ông Phúc Canh và Phúc Chân. Từ đây chia ra hai ngành Đại tông và Tiểu tông, rồi từ hai ngành này nảy sinh các chi phái đông đúc thịnh vượng. Đó chẳng phải nhờ gốc chắc nguồn sâu mà được như thế sao?

Xét lại xưa nay, theo lễ sự trọng đức đền công vẫn còn thiếu sót, lý do vì ngành Tiểu tông đến đời thứ ba đã có ông Thuận Chính đỗ đạt mở đầu, ông đậu Tiến sỹ triều Lê, rồi các đời sau người thì giữ chức Thượng thư, người thì nhận tước Quận công, người thì

¹ Tên nôm là làng Lũ, Kẻ Lũ

được phong làm công thần, con cháu kế nghiệp trâm anh, nhưng theo lễ thì ngành Thứ không được tế (Thủy Tổ).

Ngành Đại tông trải năm đời vẫn chưa có người vinh hiển, không có điều kiện họp họ để tế Thủy Tổ, nên mới để chậm lâu như thế. Nay ông Phương Đình¹ đậu Phó bảng khoa Mậu Tuất, niên hiệu Minh Mạng năm thứ 19 (1838), lần lượt sung các chức: Thị giảng học sỹ trong Nội Các, đi sứ phương Bắc về làm Khởi cư chú² ở điện Kinh Diên, làm án sát tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Hưng Yên. Nhân có việc (không vừa ý), ông cáo ốm về quê, được một năm theo lệ về hưu trí.

Ông hằng nhớ quê hương, thường nghĩ đến công đức của Tổ, nên mới lấy miếng đất vườn trong xóm Đình Điểm vốn của tổ tiên để lại nằm đằng trước bên trái nhà thờ cụ Thuần Chính, để xây ba gian nhà thờ Thủy Tổ. Nhà thờ hướng nam, hai bên đông, tây (nhà thờ), mỗi bên xây ba gian nhà nhỏ. Khu nhà thờ lợp ngói, có tường xây bọc quanh, chính giữa đằng trước xây cổng vòm (tinh môn). Mùa đông năm Quý Hợi khởi công, đến mùa thu năm Giáp Tý thì hoàn thành.

Gian giữa nhà thờ là khám thần, chính giữa khám thờ bài vị cụ ông, cụ bà Thủy Tổ Phúc Tâm, bên phải thờ bài vị cụ ông, cụ bà Phúc Nghiêm, bên trái thờ cụ ông cụ bà Phúc Canh³.

Ngày Đông chí năm đó (Giáp Tý), khởi đầu việc tế lễ. Tất cả già trẻ trong họ, người làng đều đến, ai cũng vui mừng. Ông (Phương Đình) nói: “Ngôi nhà thờ này tuy vì dòng họ mà ta xây nên, để mãi mãi dòng họ có nơi thờ tự chung, nhưng còn ruộng tế thì những người đỗ đạt làm quan ăn lộc nước, tùy sức mình mà cúng. Các ngành Giáp và Ất luân phiên nhau giữ ruộng mà lo việc cúng tế”. Cả họ đều cho là phải.

Ồi! Đạo không có gì lớn bằng báo đền tiên tổ, lễ không có gì khó hơn nhớ đến cội nguồn. Tổ tiên “mắt chẳng được thấy (dung nhan), tai chẳng được nghe (tiếng nói)”, thì lấy gì để biết “(tổ tiên) như ở trên mình, như ở bên trái, bên phải thân mình”? Bởi vậy (việc dựng ngôi nhà thờ này) bày biện trang hoàng, mũ áo rực rỡ há đâu có phải chỉ cốt ở chuyện cúng tế? *Kinh Thi* nói: “Ngay cây dâu, cây thị (do cha mẹ trồng) cũng phải cung kính”. *Kinh Dịch* nói: “Nước chảy cuộn cuộn tới tận gò, người bình thường không thể nghĩ tới”⁴.

Luôn giữ lòng thành thực thì sẽ trong sạch, thờ cúng tổ tiên là gây mầm phúc đức. Từ khi cha ông Phương Đình dời nhà ra huyện Thọ Xương, ông Phương Đình đã có dựng nhà thờ riêng ở đó. Nay ông mới xây nhà thờ Tổ, để cùng họ hàng tế lễ. Tấm lòng của ông thực là vô tư, lo tính của ông thực là lâu dài. Điều quan trọng là để ơn đức cao dày của tiền nhân luôn rạng rỡ.

¹ Hiệu của cụ Nguyễn Văn Siêu.

² Chức quan ghi chép về phẩm hạnh của vua.

³ Theo quan niệm xưa, bên trái được coi trọng hơn bên phải. Vì vậy bài vị cụ Phúc Canh (là anh) được đặt bên trái bài vị cụ Thủy Tổ.

⁴ Đây là câu trích trong lời từ hào Lục Tứ, quê Hoán, Kinh Dịch, ý nói: xây dựng nhà thờ học là việc lớn, không phải người bình thường lo tính được.

Cả họ đặt quy ước như sau:

- Về đồ lễ: tiết Đông chí thịt các loại (lợn, bò, gà...), xôi, bánh, quả. Tiết Thanh Minh, tết Nguyên Đán: xôi gà tùy nghi. Riêng trong lễ Đông chí, họ hàng và các cụ phụ lão trong làng đều tập họp, sửa soạn cơm rượu, cốt sao chu đáo hòa thuận, thì tế lễ sẽ được hưởng phúc. Riêng trưởng tộc và những người đỗ đạt, có chức tước thì phải tới từ hôm trước luân phiên nhau chủ trì công việc. Hiện ngành Đại tông đã có ông Phương Đình, ngành Tiểu tông có quan Tiến sỹ Nguyễn Trọng Hợp và Cử nhân Phác cùng lo liệu, Từ sau đại lược theo thế mà làm.

- Về ruộng tế: Thị-độc Trọng Hợp cúng sáu sào, cử nhân Phác ba sào mười thước, Tri huyện Nam Xương Văn Kế ba sào. Tiền thu theo suất đinh cả năm cộng vào mua đồ lễ, nếu thiếu thì người đương sự phụ thêm. Đợi sau có nhiều ruộng tế sẽ lo liệu cho thỏa đáng”

(Nguyễn Hữu Tường dịch từ Hán Nôm ra tiếng Việt).

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Hội Ngôn ngữ học Hà Nội, *Hà Nội những vấn đề ngôn ngữ văn hóa*. NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2001.
2. Huỳnh Lý, Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Văn Phú, Lê Thuớc, Hoàng Hữu Yên, *Văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – giữa thế kỷ XIX*, NXB Văn hóa – Viện Văn học, Hà Nội, 1957.
3. Giang Quân, *Từ điển đường phố Hà Nội*. NXB Thời đại, Hà Nội, 2010.